

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **36/2018/HS-ST**

Ngày 02/02/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thương Huyền**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lý A Hoi**

2. Bà **Nguyễn Thị Lan**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Thanh Tuấn** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ B Phủ, tỉnh Đ B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ B Phủ tham gia phiên tòa: Ông **Lê Thanh Hải** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 02 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ B Phủ, tỉnh Đ B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2018/HSST ngày 04 tháng 01 năm 2018, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/HSST-QĐXXST- HS ngày 22 tháng 01 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **ĐOÀN VĂN H**; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 19/5/1986 tại Đ B;

Nguyên quán: H H, TH B;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Bản C 2, xã S M, H. Đ B, tỉnh Đ B;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Đoàn Văn H, sinh năm 1960 và con bà: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1963; Bị cáo chưa có vợ. Con có 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/10/2017 đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **NGUYỄN MẠNH C**; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 03/12/1984 tại Đ B;

Nguyên quán: H H, TH B;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Đội 4, xã P L, huyện Đ B, tỉnh Đ B;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam;

Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Nguyễn Thái N, sinh năm 1960 và con bà: Đặng Thị L, sinh năm 1961; Bị có vợ: Vũ Thị H, sinh năm 1984, con có 02, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/10/2017 đến nay bị cáo có mặt tại phiên toà.

*** Người bị hại:**

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965 Địa ch: SN 175, tổ dân phố số 19, phường N B, thành phố Đ B Ph, tỉnh Đ B (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

3. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1982

Địa chỉ: Đội 2A, xã Th L, huyện Đ B, tỉnh Đ B(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

*. Nguyên đơn dân sự: Đại diện Công ty TNHH sở xố kiến thiết Đ B.

Đại diện: Ông Cao Đăng Ph– Chức vụ: Chủ tịch Công ty (có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Ông Lò Văn Th, sinh năm 1980; Địa chỉ: Đội 5, xã Th N, huyện Đ B, tỉnh Đ B (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

2. Bà Đặng Thị L, sinh năm 1961; Địa chỉ: Đội 5, xã P L, huyện Đ B, tỉnh Đ B (có mặt)

3. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1965; Địa chỉ: SN 37, tổ dân phố số 13, phường N Th, thành phố Đ B Ph, tỉnh Đ B (có mặt);

***. Người làm chứng:**

1. Ông Trần Xuân B, sinh năm 1984

Địa chỉ: SN 72, tổ dân phố số 14, phường Th B, thành phố Đ B Ph, tỉnh Đ B (có đơn xin xét xử vắng mặt);

2. Ông Trần Văn Ng, sinh năm 1994

Địa chỉ: Tổ dân phố số 22, phường M Th, thành phố Đ B Ph, tỉnh Đ B(Có đơn xin xét xử vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Vào ngày 11/10/2017, Đoàn Văn H mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu đen trắng, biển kiểm soát 27N1 – 049.80 và mũ bảo hiểm Index màu xám đen của anh Lò Văn Th đi từ khu vực chợ Bản Phủ thuộc xã Noong Hẹt, huyện Đ B đến trung T thành phố Đ B Phủ, mục đích đi tìm tài sản sơ hở để trộm cắp bán để chi tiêu cá nhân và sử dụng ma túy. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày khi đi qua khu vực tổ 22, phường M Th, thành phố Đ B Ph, H quan sát thấy trên vỉa hè phía bên trái đường có bà Nguyễn Thị T đang ngồi ghi lô tô, xỏ số, có để 01 chiếc túi màu đen trên chiếc ghế nhựa đặt bên tay phải bà T cạnh bàn ghi lô tô. H nảy sinh ý định cướp giật chiếc túi xách đó. H điều khiển xe đi đến khu vực gần khách sạn A1 thì

dừng lại, xuống lấy đất bôi vào biển kiểm soát của xe, mục đích để không ai nhìn thấy biển số xe. Sau đó, H tiếp tục đi ra đường Võ Nguyễn Giáp rồi rẽ trái đi vào đường Hoàng Văn Thái. H đi xe máy vòng đi vòng lại qua chỗ bà T được hai vòng thì dừng lại, quan sát thấy không còn ai vào ghi lô tô, xỏ số H điều khiển xe tiến đến sát bàn ghi lô tô, xỏ số của bà T, cách chiếc túi xách khoảng 50cm. H dừng xe, vẫn ngồi trên xe nổ máy, H giả vờ bảo bà T ghi cho H 100.000 đồng lô tô đầu “0” nhằm đánh lạc hướng bà T. Khi thấy bà T ghi từ số “00” đến số “03” H, nghiêng người về bên trái, dùng tay trái chụp lấy chiếc túi xách bà T để ở trên ghế rồi tăng ga phóng nhanh bỏ chạy theo hướng sân vận động tỉnh Đ B, bà T đuổi theo nhưng không kịp. H điều khiển xe đi đến khu vực cánh đồng thuộc xã Thanh Xương, huyện Đ B thì dừng lại kiểm tra thấy bên trong chiếc túi xách vừa cướp giật được có 01 chiếc ví nữ giả da màu đen bên trong có 5.500.000 đồng; 01 tập gồm 100 tờ vé lô tô loại 10.000 đồng chưa qua sử dụng; 02 ngọn vé lô tô loại 10.000 đồng mở thưởng ngày 10/10/2017 ghi số 17 và 71; 01 giấy phép lái xe, 01 chứng minh thư nhân dân và 01 giấy đăng ký mô tô đều mang tên Nguyễn Thị T. H lấy số tiền và hai ngọn vé lô tô đút vào túi quần đang mặc, tài sản và giấy tờ còn lại H giấu ở đồng rơm gần đường. Ngày 12/10/2017 khi biết thông tin tờ vé lô tô số 71 trúng thưởng, H mang đến Phòng trả thưởng của Công ty TNHH xỏ số kiến thiết Đ B để lĩnh giải. Đến nơi H đưa vé cho anh Trần Xuân B, nghi ngờ người đến lĩnh giải là người đã cướp giật tài sản của bà T ngày 11/10/2017 anh Bình liền gọi điện báo Cơ quan công an. H thấy anh Bình đi ra cửa sau, nghĩ đã bị phát hiện nên bỏ đi không lĩnh thưởng nữa. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, H đi xe khách về Hà Nội rồi lên Thái Nguyên với mục đích bỏ trốn. Anh Bình đã giao nộp tờ vé lô tô trên cho Cơ quan công an. Số tiền cướp giật được H đã chi tiêu cá nhân hết và mua ma túy sử dụng hết. Cơ quan điều tra đã thu giữ toàn bộ vật chứng của vụ án, 01 ngọn vé lô tô ghi số 17, H đã vứt đi cơ quan Công an không thu giữ được.

Tại cơ quan điều tra Đoàn Văn H đã tự thú về hành vi trộm cắp tài sản trước đó cùng Nguyễn Mạnh Ckhi chưa bị phát hiện như sau: Vào sáng ngày 01/10/2017 sau khi mua ma túy của người không quen biết về sử dụng xong, Nguyễn Mạnh Ckhi Đoàn Văn H đi kiếm tiền bằng cách trộm cắp tài sản, H đồng ý. Ngày 01 và 02/10/2017 Nguyễn Mạnh Ckhi xe mô tô Kymco – Jokey, biển kiểm soát: 27H1 - 8986 của bà Đặng Thị L (là mẹ Cg) chở Đoàn Văn H đi tìm tài sản để trộm cắp nhưng không được. Trong lúc đi cùng nhau, Cg nói muốn có 01 chiếc xe để đi và nhờ H thiết kế, H đồng ý nói lên thành phố lấy một xe thì đơn giản. Khoảng 12 giờ ngày 03/10/2017, Cg dùng xe mô tô nhãn hiệu Honda Cup, màu xanh, biển kiểm soát 27F1 – 6279 của bà Đặng Thị L tiếp tục chở H đi tìm xe máy để trộm cắp, trên đường đi H nói với Cg nếu H lấy được xe máy thì Cg phải trả cho H 2.000.000 đồng và bảo Cg chuẩn bị 01 chiếc tô vít và 01 chiếc kìm để phá khóa xe máy, Cg đồng ý rồi cả hai đi lên thành phố Đ B Phủ. Khi đi đến chợ Nam Thanh, Cg dựng xe ở ngoài rồi vào nhà chị Nguyễn Thị S nói dối chị Suốt là xe bị hỏng nên mượn kìm và tô vít để sửa xe, chị Suốt đồng ý cho Cg mượn 01 chiếc kìm cán màu đỏ và 01 tô vít 4 cạnh dài khoảng 20 cm, Cg cầm kìm và tô vít ra chỗ H bỏ vào vào giỏ xe. Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 03/10/2017 Cg, H đi tới khu vực chân tượng đài chiến thắng thuộc tổ 7, phường Tân Thanh, thì thấy có nhiều xe máy, Cg chở H vào khu vực để xe rồi cả hai đi tìm xe máy để trộm cắp. Khoảng 30 phút sau, Cg quan sát thấy có 01 chiếc xe máy Espero – Detech màu nâu, yếm trắng, biển kiểm

soát: 27AA - 017.50 của chị Nguyễn Thị Th dựng ở lòng đường sát vỉa hè trước sân hành lễ, đầu xe hướng vào sân hành lễ, đuôi xe hướng ra đường. Cg tìm H nói là đã tìm thấy xe để lấy rồi và đưa cho H chìa khóa xe Honda Cup và bảo H dắt xe đi trước. H dắt xe đi lên hướng phường Him Lam, Cg quay lại dùng tay trái lắc thử thấy xe biển kiểm soát 27AA-017.50 không khóa cổ, quan sát xung quanh thấy không ai để ý, Cg gạt chân chống, dắt xe máy đi sau H được khoảng 25 mét thì Cg rẽ vào trong ngõ nhỏ phía bên phải đường được khoảng 05 mét thì H đi vào đưa cho Cg tô vít. Cg dùng tô vít tháo mặt nạ xe ra, dùng tay phải giật đứt dây điện ở ổ khóa rồi lắp mặt nạ xe lại như cũ, ngồi lên xe, đạp cần khởi động nổ máy và điều khiển xe về nhà. H đi theo sau tới ngã ba chợ Pom Lót thì dừng lại chờ Cg, Cg mang xe cất vào nhà rồi lấy 500.000 đồng đưa cho H để trả công. Số tiền này H đã sử dụng vào chi tiêu cá nhân hết. Khoảng 01 tuần sau Cg tháo biển kiểm soát xe trộm cắp được cất vào gầm giường rồi lắp biển kiểm soát: 27B1-128.05 Cg nhật được và sử dụng làm phương tiện đi lại. Cơ quan điều tra đã thu giữ được tài sản do các bị trộm cắp. Chiếc tô vít, chiếc kìm các bị cáo đã làm rơi, vứt đi nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Trong quá trình điều tra người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nguyên đơn dân sự đề nghị Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng xử lý hành vi phạm tội của các bị cáo theo quy định của pháp luật; Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ B Phủ giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và khẳng định hành vi trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội như sau:

Bị cáo Đoàn Văn H phạm tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi năm 2009) và tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi năm 2009).

Bị cáo Nguyễn Mạnh C phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi năm 2009).

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 04/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ B Phủ xác định:

Túi xách giả da màu đen kích thước 40 x 25 cm, loại có quai xách, đã qua sử dụng và 01 ví nữ màu đen có giá trị 70.000 đồng (bảy mươi nghìn đồng). Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 18/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ B Phủ xác định:

Chiếc xe máy nhãn hiệu Espero, loại 50cc, màu nâu, BKS 27 AA- 017.50, SKB3PEHA308233, SM39FMB2308233, đã qua sử dụng có giá trị 10.400.000 đồng (mười triệu bốn trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Về vật chứng của vụ án gồm có: Túi xách giả da màu đen bên trong có một ví giả da màu đen, trong ví có 5.500.000 đồng; 01 tập gồm 100 tờ vé lô tô loại 10.000 đồng chưa qua sử dụng; 02 ngọn vé lô tô loại 10.000 đồng mở thưởng ngày

10/10/2017 ghi số 17 và 71; 01 giấy phép lái xe, 01 chứng minh thư nhân dân và 01 giấy đăng ký mô tô đều mang tên Nguyễn Thị T. Tổng giá trị bị cáo H cướp giật tài sản là 6.220.000 đồng. Ngày 05/12/2017 Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản trên cho bà T, bà T nhận lại tài sản ngày 05/12/2017 và yêu cầu bị cáo H phải trả lại số tiền 5.500.000 đồng đã chiếm đoạt của bà.

Chiếc xe máy nhãn hiệu Espero, loại 50cc, màu nâu, BKS 27 AA- 017.50, SKB3PEHA308233, SM39FMB2308233, đã qua sử dụng có giá trị 10.400.000 đồng (mười triệu bốn trăm nghìn đồng). Ngày 05/12/2017 Cơ quan Điều tra đã trả lại tài sản cho bà Nguyễn Thị Th, bà Th nhận lại tài sản ngày 05/12/2017 và không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Chiếc xe YAMAHA Jupiter màu đen trắng, biển kiểm soát 27N1 – 049.80 và mũ bảo hiểm Index màu xám đen bị cáo H mượn của anh Lò Văn Th. Hiện xe máy đã trả ngày 05/12/2017.

Chiếc xe Honda cup màu xanh BKS: 27F1 - 6279 và 01 xe máy nhãn hiệu Kymco – Jocky màu sơn trắng bị cáo Cg mượn của bà Đặng Thị L. Hiện 02 xe máy trên đã trả cho bà Lý nhận ngày 05/12/2017.

Bản cáo trạng số: 04/QĐ-VKS-HS ngày 03/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ B Phủ, tỉnh Đ B truy tố các bị cáo Đoàn Văn H phạm tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi năm 2009) và tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi năm 2009).

Bị cáo Nguyễn Mạnh C phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi năm 2009).

Đề nghị Hội đồng xét xử:

* Đối với bị cáo Đoàn Văn H áp dụng khoản 1 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 về tội Cướp giật tài sản, xử phạt bị cáo với mức hình phạt từ 18 tháng đến 24 tháng. Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s, điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 về tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt với mức hình phạt từ 09 tháng đến 12 tháng. Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999, tổng hợp hình phạt chung cho 02 tội đề nghị từ xử bị cáo từ 27 tháng đến 36 tháng tù.

Đối với bị cáo Nguyễn Mạnh C áp dụng khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo với mức hình phạt từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu sung quỹ nhà nước 500.000 đồng của bị cáo H; Tịch thu tiêu hủy 01 biển kiểm soát 27B1-128.05; Trả lại cho Công ty TNHH sở xỏ kiến thiết Đ B: 01 vé ngon vé số “71”; Buộc bị cáo H phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị T số tiền 5.500.000 đồng.

* Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015 và điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức

thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí DSST có giá ngạch. Buộc bị cáo Cg phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ B Phủ, tỉnh Đ B.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Tại phiên tòa Đoàn Văn H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại phiên tòa Nguyễn Mạnh C đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an thành phố Đ B Phủ; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ B Phủ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

2. Xét các hành vi phạm tội của các bị cáo: Vào khoảng 21 giờ ngày 03/10/2017 tại khu vực tổ 7, phường Tân Thanh, thành phố Đ B Phủ, các bị cáo Nguyễn Mạnh C và Đoàn Văn H đã cùng nhau lén lút, bí mật chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô của bà Nguyễn Thị Th, ngày 18/10/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ B Phủ xác định chiếc xe máy nhãn hiệu Espero, loại 50cc, màu nâu, BKS 27 AA- 017.50, SKB3PEHA308233, SM39FMB2308233 có giá trị 10.400.000 đồng (mười triệu bốn trăm nghìn đồng) nên đây là tình tiết định tội được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi năm 2009) quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ hai triệu đồng đến dưới năm triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng thuộc trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

Đối với hành vi Cướp giật tài sản của bị cáo Đoàn Văn H vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 11/10/2017 tại khu vực tổ 22, phường M Th, thành phố Đ B Ph bị cáo đã có hành vi công khai, nhanh chóng chiếm đoạt một túi sách giả da bên trong có ví giả da và một số tài sản khác, tiền mặt có trị giá 6.220.000 đồng của bà Nguyễn Thị T rồi tẩu thoát. Hành vi phạm tội của bị cáo đã cấu thành tội Cướp giật tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999.

Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi năm 2009) quy định:

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm”.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước ngày 01/01/2018 nhưng các quy định về tội Cướp giật tài sản và Trộm cắp tài sản của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 không nhẹ hơn nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Hành vi trên của các bị cáo được chứng minh tại: Đơn trình báo của người bị hại; Vật chứng đã thu giữ; Kết luận định giá; Lời khai của những người bị hại, của những người liên quan và của các bị cáo trong quá trình điều tra cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy hành vi trên của bị cáo Nguyễn Mạnh C đủ yếu tố cấu thành Trộm cắp tài sản. Hành vi của bị cáo Đoàn Văn H đã cấu thành tội Cướp giật tài sản và tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo Đoàn Văn H và bị cáo Nguyễn Mạnh C là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Hành vi trộm cắp, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công vai trò của từng người, không có sự câu kết chặt chẽ trong khi thực hiện tội phạm cũng như che dấu tội phạm, nên không có tổ chức. Bị cáo C là người khởi xướng, rủ rê, chuẩn bị công cụ trực tiếp dắt và phá khóa xe là người hưởng lợi tài sản nên giữ vai trò chính. Bị cáo H là người giúp sức và được hưởng lợi ít hơn.

Từ những phân tích trên, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ B Phủ truy tố bị cáo Đoàn Văn H về tội Cướp giật tài sản theo khoản 1 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 và tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 và truy tố bị cáo Nguyễn Mạnh C tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là hoàn toàn đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

3. Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo:

Bị cáo Đoàn Văn H thực hiện hành vi trên với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích là chiếm đoạt tài sản và đã hoàn thành cả về hành vi và H quả của tội Cướp giật tài sản và tội Trộm cắp tài sản. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an trên địa bàn, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân dẫn đến phạm tội là do bị cáo không chịu lao động muốn có tiền tiêu lên bị cáo thực hiện hành vi Cướp giật tài sản và Trộm cắp tài sản.

Bị cáo Nguyễn Mạnh C thực hiện hành vi trên với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích là chiếm đoạt tài sản và đã hoàn thành cả về hành vi và H quả của tội Trộm cắp tài sản. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an trên địa bàn, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Đoàn Văn H: Ngày 28/6/2012, bị cáo H bị Tòa án nhân dân huyện Đ B xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Đã chấp hành xong bản án và đã được xóa án tích. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hai hành vi phạm tội của bị cáo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện khai báo hành vi trộm cắp tài sản của mình trước khi tội phạm chưa bị phát hiện. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các

tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 về tội Trộm cắp tài sản và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 về tội Cướp giật tài sản để giảm nhẹ phần nào về hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Mạnh C : Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 và giảm nhẹ phần nào về hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng

Để các bị cáo có điều kiện cải tạo và làm lại cuộc đời, sống có ích cho gia đình và xã hội thì cần phải áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian; đồng thời đó cũng là bài học cho những kẻ đã và đang có hành vi tương tự.

4. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 136; khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng”, “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến mười triệu đồng” do đó các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, thu không ổn định, sống phụ thuộc bố mẹ, các bị cáo nghiện ma túy, đi chấp hành án, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

5. Về vật chứng vụ án gồm có:

Túi xách giả da màu đen bên trong có một ví giả da màu đen, trong ví có 5.500.000 đồng; 01 tập gồm 100 tờ vé lô tô loại 10.000 đồng chưa qua sử dụng; 02 ngọn vé lô tô loại 10.000 đồng mở thưởng ngày 10/10/2017 ghi số 17 và 71; 01 giấy phép lái xe, 01 chứng minh thư nhân dân và 01 giấy đăng ký mô tô đều mang tên Nguyễn Thị T. Ngày 05/12/2017 Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản trên cho bà T, bà T nhận lại tài sản và yêu cầu H phải trả lại số tiền 5.500.000 đồng đã chiếm đoạt của bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Về trách nhiệm hình sự bà T đề nghị HĐXX xét xử bị cáo theo quy định pháp luật.

Chiếc xe máy nhãn hiệu Espero, loại 50cc, màu nâu, BKS 27 AA- 017.50, SKB3PEHA308233, SM39FMB2308233. Ngày 05/12/2017 Cơ quan Điều tra đã trả lại tài sản cho bà Nguyễn Thị Th, bà Th nhận lại tài sản và có đơn xin xét xử vắng mặt; về trách nhiệm dân sự bà Th không có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì khác. Về trách nhiệm hình sự bà Th đề nghị HĐXX xét xử các bị cáo theo quy định pháp luật.

Chiếc xe Honda cub màu xanh BKS: 27F1 - 6279 và 01 xe máy nhãn hiệu Kymco – Jocky BKS: 27H1 - 8986 màu sơn trắng bị cáo Cg mượn của bà Đặng Thị L. Hiện 02 xe máy trên đã trả cho bà Lý nhận ngày 05/12/2017. bà Lý nhận lại tài sản và có đơn xin xét xử vắng mặt; về trách nhiệm dân sự bà Lý không có yêu

cầu các bị cáo phải bồi thường gì khác.

Đối với 01 vé ngon vé số “71” cần trả lại cho Công ty TNHH sở xổ kiến thiết Đ B; Công ty TNHH sở xổ kiến thiết Đ B có ý kiến xin lại ngon vé trên. Không đề nghị bị cáo phải bồi thường.

Ông Lò Văn Th là người cho bị cáo H mượn xe mô tô YAMAHA Jupiter màu đen trắng, biển kiểm soát 27N1 – 049.80 và mũ bảo hiểm Index màu xám đen thực hiện cướp giật tài sản; ông Th không biết, ngày 05/12/2017 Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho ông Th. Ông Th đã nhận tài sản và không yêu cầu bị cáo H bồi thường gì và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị S là người cho các bị cáo mượn kim có cán màu đỏ và tua vít 4 cạnh, việc các bị cáo mượn kim, tua vít của bà Suốt vào việc phạm tội bà Suốt không biết, do các bị cáo đã đánh mất các tài sản trên, bà Suốt không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Xét đề nghị của bà T, bà Lý, ông Th, bà Lý, bà Suốt và Công ty TNHH sở xổ kiến thiết Đ B là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Đối với 02 USB chứa 01 đoạn vi deo liên quan đến tố giác tội phạm của bà Nguyễn Thị T đối với hành vi cướp giật tài sản của bị cáo H, cần được lưu giữ trong hồ sơ để làm căn cứ.

6. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015 và điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí DSST có giá ngạch. Buộc bị cáo Cg phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi năm 2009); điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi năm 2017), xử phạt bị cáo Đoàn Văn H về tội Cướp giật tài sản **02 (hai)** năm tù. Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s, điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi năm 2017), xử phạt bị cáo về tội Trộm cắp tài sản **01 (một)** năm tù. Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi năm 2009) tổng hợp chung cho 02 tội bị cáo phải chấp hành **03 (ba)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 17/10/2017.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi năm 2009); điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh C về tội Trộm cắp tài sản **01 (một)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 18/10/2017.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 586 Bộ luật Dân sự 2015

- Chấp nhận các biên bản trao trả tài sản ngày 05/12/2017 cho các chủ sở hữu.

- Chấp nhận việc người bị hại bà Th, nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

- Chấp nhận yêu cầu của bà T buộc bị cáo Đoàn Văn H phải bồi thường 5.500.000 đồng cho bà Nguyễn Thị T; Địa chỉ: SN 175, tổ dân phố số 19, phường Noong Bua, thành phố Đ B Phủ, tỉnh Đ B.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bà T cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền trên, hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Tịch thu của bị cáo Đoàn Văn H 500.000 đồng sung ngân sách nhà nước.

4. Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tịch thu tiêu hủy 01 biển kiểm soát 27B1-128.05

Vật chứng đã được Công an thành phố Đ B Phủ bàn giao sang Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ B Phủ ngày 05/01/2018.

- Trả lại cho Công ty TNHH sở hữu kiến thiết Đ B 01 vé ngọn vé số “71”

(Vé số được lưu giữ trong hồ sơ tại Tòa án nhân dân Thành phố Đ B Phủ, tỉnh Đ B)

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015 và điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí DSST có giá ngạch. Buộc bị cáo Cg phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/02/2018). Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo về phần có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/02/2018). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nguyên đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo về phần có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát NDTPĐBP;
- Công an TPĐBP;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- UBND phường Noong Bua;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Toà án ND tỉnh Đ B;
- Sở Tư pháp;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Bị cáo;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIỆN TÒA**

Trần Thị Thương Huyền

